

"CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM NHẪM LOẠI TRỪ DẦN CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG ÔZÔN"

GS.TS. Nguyễn Đức Ngữ

Tổng cục trưởng Tổng cục KTTV

Chủ nhiệm CTQG về ODS

Công ước Viên về bảo vệ tầng ôzôn (1985) và Nghị định thư Môntrêan về các chất làm suy giảm tầng ôzôn (1987) là những văn bản pháp lý quốc tế liên quan đến việc bảo vệ tầng ôzôn. Việt Nam chính thức tham gia Công ước Viên và Nghị định thư Môntrêan từ tháng 1-1994 đồng thời phê chuẩn những bổ sung sửa đổi London (1990) và Copenhagen (1992).

Thực hiện quy định về thi hành Nghị định thư, Chính phủ Việt Nam đã giao cho Tổng cục Khí tượng Thủy văn chủ trì và phối hợp các Bộ, Ngành liên quan soạn thảo "Chương trình quốc gia của Việt Nam nhằm loại trừ dần các chất làm suy giảm tầng ôzôn" (viết tắt theo tiếng Anh là ODS - Ozone Depleting Substances). Được sự phối hợp và hỗ trợ của các cơ quan quản lý Nhà nước, các công ty xí nghiệp liên quan đến việc nhập khẩu và tiêu thụ các chất ODS và với sự giúp đỡ về tài chính và cố vấn chuyên môn của Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và Quỹ phát triển Pháp (CFD), Chương trình quốc gia (CTQG) đã hoàn thành đúng thời hạn.

Ngày 10-6-1995 tại công văn số 3148/KGVX, Chính phủ đã phê duyệt Chương trình quốc gia và giao cho Tổng cục Khí tượng Thủy văn chủ trì thực hiện. Chương trình quốc gia trình bày khái quát tình hình sử dụng và tiêu thụ ODS ở nước ta, đề ra chính sách, chiến lược, kế hoạch hành động của Việt Nam nhằm loại trừ dần các chất ODS.

Liên hợp quốc (LHQ) đã thành lập Quỹ Đa phương về ôzôn để giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật cho các nước đang phát triển có lượng tiêu thụ ODS thấp nhanh chóng loại trừ ODS. Đây là quyền lợi chính đáng của những nước đang phát triển vì các nước này có lượng tiêu thụ ODS thấp và không sản xuất ODS đang phải gánh chịu những hậu quả về môi trường và kinh tế do các nước công nghiệp phát triển gây ra.

Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ và kỹ thuật từ Quỹ Đa phương về ôzôn cũng là một trong những mục tiêu và nội dung của Chương trình quốc gia.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ODS Ở VIỆT NAM (PHỤ LỤC 1)

Việt Nam không sản xuất và cũng không xuất khẩu ODS, chỉ nhập khẩu với số lượng đủ cho nhu cầu thiết yếu của mình. Ở Việt Nam chưa có công nghệ tái chế và tái sử dụng ODS.

ODS được sử dụng ở Việt Nam chủ yếu trong các lĩnh vực sau:

- **Làm lạnh:** ODS được tiêu thụ khi nạp vào máy nén lần đầu, khi lắp ráp máy lạnh thương mại/công nghiệp và khi thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng. Năm 1993, lượng tiêu thụ CFC 12, R 500, R 502 và HCFC 22 trong lĩnh vực làm lạnh là 118 tấn.
- **Điều hòa không khí:** ODS cần để nạp các máy điều hòa trong ô tô, điều hòa trung tâm loại nhỏ và để thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị trên. Năm 1993 lượng tiêu thụ CFC 11, CFC 12, R 502 và HCFC 22 trong lĩnh vực này là 59 tấn.
- **Tạo bọt xốp:** ODS được sử dụng làm tác nhân để sản xuất sản phẩm xốp, trong đó có các tấm cách nhiệt. Lượng tiêu thụ cho sản xuất chất xốp năm 1993 là 20 tấn (CFC 11).
- **Sơn khí:** CFC 11 hoặc CFC 12 được sử dụng làm chất đẩy trong các bình xịt mỹ phẩm, sơn, các lọ thuốc xông v.v. Khoảng 200 tấn ODS được sử dụng chủ yếu trong ngành sản xuất mỹ phẩm.
- **Dung môi:** methyl chloroform và carbon tetrachloride (CTC) được dùng làm dung môi để chống ẩm và làm sạch bảng vi mạch điện tử, ổ cứng máy tính và kim loại; làm dung môi trong thuốc sát trùng, dược phẩm, sản xuất sơn công nghiệp. Lượng tiêu thụ năm 1993 là 3,26 tấn.
- **Dập cháy:** Khoảng 4,0 tấn halon được tiêu thụ tại các sân bay, tàu cứu hộ, tàu biển và một số cơ sở chữa cháy khác trong năm 1993.
- **Nông nghiệp:** methyl bromide được sử dụng làm chất diệt khuẩn, bảo quản gạo. Lượng tiêu thụ năm 1993 là 1,5 tấn.
- Năm 1993, ở Việt Nam có khoảng 300 xưởng sửa chữa, dịch vụ điện lạnh và ước tính hàng năm cần khoảng 21 tấn ODS các loại CFC 12, HCFC 22, R 502 để bảo dưỡng tủ lạnh dân dụng, điều hòa không khí trong ô tô, điều hòa không khí công nghiệp/thương mại và dân dụng.
- Với sản lượng 1.000 xe ô tô/năm như năm 1993, những nhà máy lắp ráp ô tô ở Việt Nam cần khoảng 0,7 tấn CFC 12.
- Các công ty của Bộ Công nghiệp nhẹ cần 15 tấn CFC 12 và 29 tấn HCFC 22 để bảo dưỡng các máy điều hòa không khí trung tâm và thương mại.
- Các công ty và tàu đánh cá của Bộ Thủy sản hàng năm tiêu thụ khoảng 90 tấn ODS để làm nguyên liệu thay thế, lắp ráp các hệ thống làm lạnh và bảo dưỡng các máy điều hòa không khí trung tâm và các hệ thống làm lạnh.
- Các sân bay, tàu cứu hộ, tàu biển tiêu thụ 4 tấn halon trong năm 1993. Các tàu cứu hộ này do ngành Dầu khí Việt Nam sử dụng.
- Năm 1993, 5,5 tấn carbon tetrachloride được sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau.

Việt Nam đã và sẽ thực hiện một số chính sách nhằm loại trừ việc sử dụng ODS, khuyến khích việc giới thiệu và sử dụng các công nghệ thay thế. Các chính sách chủ yếu bao gồm:

- **Chính sách xuất nhập khẩu:** Việc xuất nhập khẩu ODS và các sản phẩm của chúng sẽ được kiểm soát bằng các quy chế về quản lý xuất nhập khẩu. Lượng ODS nhập khẩu sẽ được duyệt theo yêu cầu sử dụng phù hợp với kế hoạch giảm thiểu ODS trong Chương trình quốc gia.

- **Chính sách giá cả:** Giá của ODS và các chất thay thế cũng như công nghệ thay thế sẽ được điều chỉnh khi cần thiết và thích hợp để bảo đảm một quá trình chuyển tiếp hài hòa, không làm thiệt hại cho người tiêu dùng.

- **Chính sách thuế:** Việc tăng, giảm, miễn thuế đối với ODS và các sản phẩm của chúng sẽ được kiểm soát chặt chẽ. Các chế độ khuyến khích về thuế sẽ được áp dụng đối với các sản phẩm được sản xuất có sử dụng các chất thay thế ODS. Việc giảm, miễn thuế cũng sẽ áp dụng đối với các thiết bị thu hồi và tái sử dụng ODS.

- **Chính sách đầu tư:** Việt Nam khuyến khích những đầu tư nước ngoài có tác dụng tích cực tới việc loại trừ sử dụng ODS hướng tới việc sử dụng các chất thay thế ODS. Các chính sách đầu tư phải nhằm thúc đẩy việc bảo vệ tầng ozôn, thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam là một bên tham gia Công ước Viên và Nghị định thư Montréal.

- **Chính sách khoa học và công nghệ:** Chính phủ ủng hộ và khuyến khích phát triển và áp dụng ở Việt Nam công nghệ có lợi cho việc bảo vệ tầng ozôn. Một ngân quỹ đặc biệt sẽ được thành lập để hỗ trợ những tổ chức, cá nhân có đóng góp vào việc giảm tiêu thụ ODS.

Việc nâng cao nhận thức công chúng sẽ được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Các hội thảo và hội nghị chuyên đề cũng như các khóa đào tạo sẽ được tiến hành nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng của các nhà quản lý và kỹ thuật tham gia vào việc quản lý, sử dụng ODS và các chất thay thế.

- **Chính sách "Nhãn hiệu xanh":** Một hệ thống "Nhãn hiệu xanh" sẽ được phát hành cho các sản phẩm trước đây có ODS nay hoàn toàn không sử dụng ODS.

- **Chính sách pháp luật:** Các văn bản pháp qui và các qui định đối với việc quản lý các chất được kiểm soát và các chất thay thế sẽ được tăng cường và hoàn thiện.

- **Chính sách phục hồi và tái sử dụng ODS:** Các Trung tâm Khoa học Kỹ thuật phục hồi và tái sử dụng ODS sẽ được thành lập để phục vụ các trang thiết bị hiện đang sử dụng ODS.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Kế hoạch hành động của Việt Nam nhằm thực hiện loại trừ ODS trong CTQG dựa trên việc tuân thủ và thực hiện những cam kết của một Bên tham gia Công ước và Nghị định thư Montréal. Kế hoạch hành động gồm các nội dung chính sau đây:

• Việt Nam thực hiện công nghệ không có ODS đối với tất cả các dự án mới từ năm 1995.

• ODS lĩnh vực sơn khí trong mỹ phẩm và y tế sẽ giữ ở mức hiện nay cho đến năm 1997.

• Việc loại trừ ODS trong lĩnh vực tạo bọt xốp, hy vọng đạt được vào năm 1996.

• Việc loại trừ ODS trong máy lạnh và điều hòa không khí, halon trong chữa cháy và ODS trong lĩnh vực dung môi, tẩy rửa bắt đầu thực hiện vào năm 1996.

• Đối với methyl bromide, có thể tăng mức tiêu thụ cho đến năm 2006 sau đó sẽ giảm đi để tiến tới loại trừ hoàn toàn.

• Việc loại trừ ODS ở Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với các kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm của Nhà nước và sự phát triển trong các ngành công nghiệp có sử dụng các sản phẩm chứa ODS.

• Chương trình quốc gia sẽ được điều chỉnh hoàn thiện trong quá trình thực hiện, trên cơ sở thu thập số liệu tiêu thụ được đầy đủ hơn và sự phát triển không ngừng của các công nghệ thay thế ODS trong và ngoài nước.

Phụ lục 1

Số TT	Lĩnh vực		Lượng tiêu thụ 1993 (tấn)
	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
1	Sơn khí	Aerosol	200
2	Làm lạnh	Refrigeration	118
3	Điều hòa không khí	Air conditioning	59
4	Tạo bọt	Foam	20
5	Dập cháy	Halon	4
6	Dung môi	Solvent	326
7	Nông nghiệp	Agriculture	150
	Tổng cộng		405,76

Phụ lục 2

Số TT	Loại	Công thức hóa học	Lượng tiêu thụ 1993 (tấn)
1	CFC-11	CFCl_3	22,21
2	CFC-12	CF_2Cl_2	267,81
3	CFC-113	$\text{C}_2\text{F}_5\text{Cl}$	10,15
4	HCFC-22	CHF_2Cl	93,00
5	Halon - 2402	$\text{C}_2\text{F}_4\text{Br}_2$	4,00
6	CTC (carbon tetrachloride)	CCl_4	5,50
7	MCF (methyl chloroform)	$\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}_3$	156
8	Methyl bromide	CH_3Br	150
	Tổng cộng		405,76